

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NHÂN HỌC

BÙI THỊ BÍCH LAN. *Hoạt động mưu sinh của người Kháng ở Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*

Chuyên ngành: Nhân học văn hóa

Mã số: 62.31.65.01

Tồn tại trong môi trường Tây Bắc với những đặc trưng riêng về điều kiện đất đai, khí hậu, thủy văn,..., hoạt động mưu sinh của người Kháng ở Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã thể hiện sự thích ứng của con người với tự nhiên ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Tuy nhiên, những phân tích, lý giải về sự thích ứng về sinh kế của họ trong điều kiện và hoàn cảnh mới cũng như việc tìm hiểu một cách hệ thống về sự tác động của nó trong mối quan hệ với phát triển bền vững thì vẫn chưa thực sự được làm rõ. Với lý do đó, NCS. Bùi Thị Bích Lan đã chọn vấn đề *Hoạt động mưu sinh của người Kháng ở xã Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La* làm đề tài cho bản luận án tiến sĩ của mình. Luận án không chỉ làm sáng tỏ những tri thức kinh nghiệm để thích ứng với môi trường tự nhiên của người Kháng, mà còn tìm ra những biến đổi và bất cập trong phát triển sinh kế của họ. Qua đó, xác định những vấn đề đặt ra cho hoạt động mưu sinh của người Kháng hiện nay trong mối quan hệ với phát triển bền vững như tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ tài nguyên môi sinh,...

Ngoài phần mở đầu, kết quả và bản luận, kết luận và phụ lục, luận án được bố cục thành 4 chương (156 trang).

Chương 1 và 2 trình bày *tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và*

phương pháp nghiên cứu; tổng quan về người Kháng ở Việt Nam và người Kháng ở địa bàn nghiên cứu.

Trên cơ sở khái quát một số công trình nghiên cứu về vấn đề sinh kế tộc người, luận án cho rằng, những kết quả nghiên cứu về hoạt động mưu sinh trong những thập niên qua đã có những đóng góp rất quan trọng tới việc hoạch định các đường lối, chủ trương lớn trong sự nghiệp phát triển dân tộc và miền núi nước ta. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng góp phần cung cấp thêm nguồn tư liệu hữu ích, làm cơ sở cho việc hoạch định những chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho các dân tộc thiểu số nói chung và cộng đồng người Kháng - dân tộc nhận được rất ít sự quan tâm nghiên cứu về hoạt động mưu sinh - nói riêng. Trong nghiên cứu của mình, Luận án sử dụng hai khung lý thuyết cơ bản (*Sinh thái học nhân văn và Khung sinh kế bền vững*) và các phương pháp nghiên cứu (*điền dã dân tộc học, đánh giá nông thôn có người tham gia...*) để tìm ra mối quan hệ tương tác giữa hệ thống xã hội của người Kháng với hệ sinh thái nông nghiệp xung quanh họ cũng như phân tích về sinh kế và đói nghèo của người Kháng từ khi Đổi mới đến nay dưới góc độ sở hữu và tiếp cận các loại *vốn sinh kế* hay còn gọi là *nguồn lực mưu sinh*.

Kháng là một trong số 21 dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me ở nước ta. Người Kháng cư trú chủ yếu ở miền núi Tây Bắc Việt Nam, trong đó tập trung tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu. Dân tộc Kháng ở Sơn La cũng như phần lớn các dân tộc thiểu số

khác có nền kinh tế mang tính tự nhiên, tự cấp và tự túc. Trồng trọt là hoạt động chủ yếu trong đời sống kinh tế của người Kháng ở Chiềng Bôm trước và sau Đổi mới, các hoạt động khác chỉ là những ngành kinh tế phụ, mang tính chất hỗ trợ cho trồng trọt và chịu sự chi phối từ hoạt động kinh tế chính yếu này. Bên cạnh đó, xã hội truyền thống của người Kháng hoàn toàn bị lệ thuộc vào thiết chế bản mường của người Thái (ngoài một số yếu tố mang tính truyền thống Kháng, vẫn tồn tại nhiều yếu tố văn hóa Thái như bố trí làng bản, nhà cửa, trang phục, ngôn ngữ, chữ viết, tín ngưỡng, phong tục tập quán và lễ hội,...)

Chương 3, *hoạt động mưu sinh của người Kháng ở Chiềng Bôm trước Đổi mới (1986)* khá đa dạng với đầy đủ các phương thức như trồng trọt, chăn nuôi, thủ công gia đình, trao đổi và khai thác nguồn lợi tự nhiên. Trong đó, nương rẫy đóng vai trò chủ đạo.

Về *trồng trọt*, lúa nương là loại cây chủ yếu đảm bảo nguồn lương thực cho gia đình. Tuy nhiên, diện tích không đáng kể, chỉ làm một vụ lúa cùng với kỹ thuật canh tác đơn giản, công cụ thô sơ, ít chăm sóc, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên,... nên năng suất cây trồng thấp, thu nhập bấp bênh, tình trạng thiếu đói xảy ra thường xuyên. Hơn nữa, cây ngô, cây sắn... chỉ mang tính chất là những cây trồng phụ, không được coi trọng.

Về *các hoạt động mưu sinh phụ trợ*, các loại hình kinh tế như chăn nuôi, thủ công gia đình, hái lượm và săn bắn là những hoạt động không thể thiếu, mang tính mùa vụ và bổ trợ cho trồng trọt.

Chăn nuôi chưa được phát triển, mang nặng tính tự túc, tự cấp với tập quán thả rông, ít chăm sóc và dựa vào

thiên nhiên là chính. Sản phẩm của hoạt động chăn nuôi là vật trao đổi khi cần thiết, đem lại sức kéo cho canh tác ruộng nước, cung cấp lễ vật cho các hoạt động tín ngưỡng và là nguồn thực phẩm quan trọng khi gia đình có công việc đại sự,...

Lao động thủ công chủ yếu nhằm thỏa mãn các nhu cầu của sinh hoạt và sản xuất trong các gia đình, đôi khi để trao đổi. Hoạt động này chỉ tập trung vào đan lát và dệt vải.

Có thể nói, bức tranh về sinh kế truyền thống của người Kháng ở Chiềng Bôm trước Đổi mới cho thấy, những tri thức dù là tích lũy hay do học hỏi được từ người Thái đã trở thành một bộ phận trong hệ thống giá trị văn hoá tộc người. Với điều kiện môi trường - xã hội cụ thể, họ đã có những ứng xử thích hợp trong hoạt động mưu sinh để tồn tại và phát triển.

Chương 4, *hoạt động mưu sinh của người Kháng ở Chiềng Bôm từ Đổi mới (1986) đến nay - Thực trạng biến đổi và những tác động đến phát triển bền vững*.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, đời sống kinh tế của người Kháng ở Chiềng Bôm đã có những chuyển biến đáng kể. Trong cơ cấu, nông nghiệp trồng trọt vẫn là ngành kinh tế chủ đạo, đem lại nguồn thu nhập chính cho người dân. Khi cây lúa nương mất dần vị trí trong trồng trọt thì việc tích cực mở rộng diện tích và thâm canh cây lúa nước đã đáp ứng phần nào nhu cầu lương thực. Các loại cây hoa màu ngày một chiếm ưu thế trên đất dốc, sản phẩm trồng trọt phát triển dần theo hướng hàng hoá, đem lại nguồn thu nhập tiền mặt, song lại chưa đảm bảo về mặt an ninh lương thực cho các hộ gia đình. Chăn nuôi, lâm nghiệp mặc dù đang có xu hướng chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng trong cơ cấu

thu nhập nhưng còn chậm chạp. Với sự khan hiếm các nguồn nguyên liệu từ tự nhiên cũng như sự xuất hiện ngày càng nhiều của các sản phẩm hàng hoá sẵn có trên thị trường, các nghề thủ công gia đình đang có xu hướng giảm dần vai trò trong đời sống. Cơ chế thị trường đã làm cho hoạt động trao đổi buôn bán của người dân ngày một thuận lợi, tạo ra động lực cho các hoạt động kinh tế khác phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Hoạt động khai thác nguồn lợi tự nhiên cũng không còn giữ vị trí quan trọng như trước đây bởi sự suy thoái cộng với những thay đổi về chính sách quản lý về tài nguyên rừng của Nhà nước. Đa dạng hoá ngành nghề cũng đang là hướng đi mới trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tuy nhiên, định hướng chưa thật rõ ràng và cụ thể. Nhìn chung, do xuất phát điểm về kinh tế - xã hội ở mức thấp cùng với sự hạn chế về nguồn lực mưu sinh, nghèo đói vẫn đang là một thách thức lớn.

L luận án chỉ rõ những tác động của sinh kế tới *phát triển bền vững: Về kinh tế*, đời sống kinh tế của người Kháng ở Chiềng Bôm hiện nay đã có những bước phát triển đáng được ghi nhận, song vẫn còn những biểu hiện chưa thực sự bền vững như quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa có định hướng rõ ràng, thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định,... *Về xã hội*, cuộc sống người Kháng ở Chiềng Bôm đã có những thay đổi đáng kể từ những chương trình xóa đói giảm nghèo, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề đang đặt ra, có mối liên quan mật thiết đến hiệu quả sinh kế như tỷ lệ hộ nghèo cao, tình trạng thiếu việc làm và chất lượng nguồn nhân lực thấp,... *Về văn hoá*, từ

công cuộc phát triển sinh kế, đời sống văn hóa người Kháng nơi đây cũng đang được cải thiện, tuy nhiên, từ đó cũng đang nảy sinh những tác động không tích cực tới phát triển bền vững về văn hoá như sự đơn giản hoá đời sống tâm linh, sự mai một tri thức bản địa trong canh tác nông nghiệp và các nghề thủ công truyền thống,... *Về môi trường*, đa số các hộ gia đình thiếu các nguồn lực mưu sinh, phải vật lộn với các sinh kế khác nhau để tồn tại và chính sự đói nghèo đã ngăn cản họ trong việc đầu tư ở mức cần thiết nhằm mục đích bảo vệ môi trường mà họ đang sinh sống,...

Có thể nói, sinh kế của người Kháng ở Chiềng Bôm đang từng bước đạt được những kết quả đáng được ghi nhận trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, cũng đang gặp không ít những khó khăn, thể hiện sự thiếu bền vững và vẫn chưa tìm ra những hướng đi thực sự phù hợp. Cải thiện sinh kế chưa đảm bảo kết hợp hài hoà giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội, cân đối tốc độ phát triển kinh tế với việc sử dụng các điều kiện nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, khoa học công nghệ,...

Từ những phân tích trên, luận án đưa ra một số giải pháp nhằm tìm ra những hướng đi phù hợp trong công cuộc cải thiện sinh kế theo hướng bền vững của người Kháng hiện nay:

1/ *Cần triển khai công tác quy hoạch đất đai cho các cộng đồng bản làng của người Kháng*. Do dân số tăng và sự khai thác thiếu ý thức trong một thời gian dài nên hiện nay, đất sản xuất ở vùng người Kháng Chiềng Bôm vừa thiếu, vừa bạc màu, cho sản lượng và năng suất thấp. Tình trạng này đang đặt ra những thách thức trong công cuộc mưu

sinh, nhất là đối với những gia đình trẻ. Vì thế, trước hết phải triển khai công tác quy hoạch đất, rừng cho từng bản làng người Kháng.

2/ *Cần có những chính sách, biện pháp phù hợp và khả thi nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi.* Đây là giải pháp vừa trước mắt, vừa lâu dài nhằm góp phần khắc phục tình trạng năng suất thấp và suy giảm nguồn tài nguyên đất, rừng trong hoạt động sản xuất. Hệ cây trồng chủ yếu là cây lương thực với diện tích và năng suất thấp cùng với quy mô chăn nuôi manh mún,... là những nguyên nhân gây nên tình trạng đói nghèo trầm trọng ở người Kháng hiện nay. Cho dù có áp dụng khoa học kỹ thuật mới thì đất đai và cây trồng hiện tại cũng chỉ đủ đáp ứng nhu cầu tự túc lương thực, trong khi mục tiêu phát triển bền vững sinh kế nông nghiệp ở các dân tộc miền núi phải là nông nghiệp hàng hóa trên cơ sở tự túc lương thực. Vì thế, cần có nghiên cứu để đưa vào vùng người Kháng các loại cây trồng, vật nuôi mới có khả năng thích nghi và cho năng suất cao, từ đó, bảo đảm để người dân có thể vừa tự túc lương thực, vừa có nông sản hàng hóa.

3/ *Cần có chính sách cụ thể, phù hợp và thỏa đáng để gắn người dân với rừng và kinh tế rừng.* Trong đó, chú trọng thực hiện việc giao đất lâm nghiệp trên rừng nghèo cho hộ gia đình để bổ sung nguồn thu nhập. Nền kinh tế miền núi bị khủng hoảng cũng bắt đầu từ sự khủng hoảng của tài nguyên rừng.

Trong điều kiện hiện nay, kinh tế rừng không chỉ để cải thiện thu nhập mà còn có ý nghĩa trong việc bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những loại cây rừng được trồng không có thị trường tiêu thụ ổn định, lại có tính dài hạn (trên dưới 10 năm mới được thu hoạch), không đảm bảo được nhu cầu an ninh lương thực trước mắt thì cần được xem xét.

4/ *Cần có những giải pháp để nâng cao năng lực vốn tài chính bằng việc thay đổi nhận thức trong tập quán chi tiêu.* Vấn đề này có vai trò rất quan trọng trong điều kiện nguồn thu từ các hoạt động sinh kế còn yếu. Chi tiêu thiếu kế hoạch, khả năng tích lũy thấp là thực trạng không chỉ của người Kháng mà là của phần lớn các dân tộc thiểu số ở nước ta. Thói quen này đã ăn sâu vào nếp nghĩ của mỗi con người và chính nó đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới nguồn lực tài chính trong phát triển sinh kế, hạn chế đến việc đầu tư cho sản xuất và là một trong những nguyên nhân làm cho không ít hộ gia đình người Kháng rơi vào cảnh nợ nần triền miên. Nó làm cho bình quân thu nhập lương thực không thấp nhưng vẫn thiếu đói, mùa giáp hạt đáng lẽ ngắn mà lại kéo dài và người nghèo phải chạy ăn từng bữa.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 5/2013.

TV.
giới thiệu